

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Lệ Thu - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 24/2021/QĐ-TA ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Đương sự thứ nhất: Anh **Lê Văn L**, sinh ngày: 11/3/1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Đương sự thứ hai: Chị **Lê Thị L**, sinh ngày: 19/9/1997, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn của anh Lê Văn L, chị Lê Thị L, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

Anh Lê Văn L, sinh ngày: 11/3/1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và chị Lê Thị L, sinh ngày: 19/9/1997, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản, sau quá trình tự do tìm hiểu, yêu đương đã đăng ký kết hôn năm 2017, tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Theo sổ đăng ký số 11 ngày 08/02/2017. Sau khi kết hôn, gia đình tổ

chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 07 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Tháng 01/2018, chị Lê Thị L về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Hiện nay, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì vậy, anh Lê Văn L và chị Lê Thị L đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng không có con chung,

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 57, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận anh Lê Văn L và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn; các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của anh Lê Văn L và chị Lê Thị L, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị L và anh Lê Văn L đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Lê Văn L, chị Lê Thị L theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 7551/QLXNC-P5 ngày 01/4/2021 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện “Chị Lê Thị L đã xuất nhập cảnh 12 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 12/6/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của anh Lê Văn L và chị Lê Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh L, chị L đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Chị Lê Thị L ủy quyền giao, nhận tài liệu cho cha đẻ là ông Lê Văn Đồng, sinh năm: 1965, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bắc Dinh, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Trên tinh thần Công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho thân nhân được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài.

[1.4] Anh Lê Văn L có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 27/2021/TB-TA ngày 22/3/2021 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 206, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Lê Văn L và chị Lê Thị L được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau, đời sống hôn nhân hạnh phúc. Một thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh L, chị L ly thân từ năm 2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] *Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).*

[2.1.4] Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Lê Văn L và chị Lê Thị L hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh L, chị L như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa

các đương sự, giải quyết cho chị Lê Thị L và anh Lê Văn L được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Lê Văn L để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn L, sinh ngày: 11/3/1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã Yên Thọ, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và chị Lê Thị L, sinh ngày: 19/9/1997, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Bắc Dinh, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền án phí HNGĐST 300.000 đồng của anh Lê Văn L theo biên lai số 0000140 ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- Các đường sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

Trương Thị Lệ Thu